

14. Chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Thanh tra Bộ chưa công bố hoặc không công bố;

15. Văn bản, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ về công tác thanh tra các Chương trình, Đề tài, Dự án;

16. Hồ sơ, tài liệu về nội dung thanh tra trong quá trình thanh tra khi chưa có kết luận chính thức;

17. Báo cáo hoạt động thanh tra, kiểm tra và kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong ngành khoa học và công nghệ chưa công bố;

18. Thông tin về người viết đơn thư tố cáo;

19. Các biện pháp nghiệp vụ trong hoạt động thanh tra, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân;

20. Hồ sơ cán bộ cấp vụ và tương đương;

21. Tài liệu về kế hoạch tuyển dụng, thi nâng ngạch cán bộ chưa công bố;

22. Tài liệu về Quy hoạch cán bộ, miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ chưa công bố;

23. Tài liệu về khen thưởng, kỷ luật cán bộ chưa công bố;

24. Cơ sở dữ liệu cán bộ của Bộ và cơ sở dữ liệu của các nhà khoa học;

25. Các Nghị định thư ký kết với nước ngoài về khoa học và công nghệ không công bố;

26. Các Dự án hợp tác với nước ngoài về khoa học và công nghệ không công bố;

27. Kế hoạch đoàn vào, đoàn ra về hợp

tác khoa học và công nghệ liên quan đến an ninh, quốc phòng không công bố;

28. Máy tính cá nhân có dữ liệu nghiệp vụ chuyên môn, tài liệu nội bộ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ không công bố./.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

Hoàng Văn Phong

*BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN*

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn số 03/2005/QĐ-BNN
ngày 07/01/2005 ban hành Quy
định về khai thác gỗ để hỗ trợ
nhà ở cho đồng bào dân tộc
thiểu số nghèo, đời sống khó
khăn theo Quyết định số 134/2004/
QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của
Thủ tướng Chính phủ.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng
ngày 19/8/1991;*

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Chỉ thị số 286/TTg ngày 02/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên;

Căn cứ Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát việc khai thác gỗ theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1866/CP-NN ngày 09/12/2004;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy định về khai thác gỗ để hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ” (gọi tắt là Chương trình 134).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ và hết hiệu lực khi kết thúc chương trình hỗ trợ gỗ làm nhà theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 31 tháng 12 năm 2006.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng Bộ; Thủ trưởng các Cục, Vụ, Viện, Trường có liên quan; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Tổng công ty, Công ty, doanh nghiệp, các chủ rừng và cá nhân có hoạt động khai thác theo Chương trình 134 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Hứa Đức Nhị

QUY ĐỊNH về khai thác gỗ để hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Chương trình 134)

(ban hành kèm theo Quyết định số 03/2005/QĐ-BNN ngày 07/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định các khu rừng được phép khai thác, các hình thức tổ chức khai thác; thiết kế, phê duyệt hồ sơ thiết kế, cấp phép và nghiệm thu khai thác gỗ; chế độ báo cáo về tình hình khai thác gỗ phục vụ chương trình hỗ trợ gỗ làm nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Các tổ chức, lâm trường, doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thiết kế và khai thác gỗ, hoặc các hộ gia đình, cá nhân, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tự khai thác để lấy gỗ làm nhà cho gia đình.

b) Các khu rừng được phép khai thác:

- Rừng sản xuất, rừng phòng hộ xung yếu thuộc rừng lá rộng thường xanh, nửa rụng lá, rừng khộp, rừng lá kim được Nhà nước giao cho các tổ chức, lâm trường, doanh nghiệp để quản lý, bảo vệ, kinh doanh;

- Gỗ rừng trồng có nguồn gốc vốn ngân sách nhà nước (PAM, 327) vốn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế được Nhà nước giao cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân quản lý bảo vệ, sản xuất kinh doanh;

- Rừng sản xuất được giao cho hộ gia đình, cá nhân quản lý theo Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ;

- Những khu rừng hiện do chính quyền địa phương sở tại quản lý.

Điều 2. Các hình thức tổ chức khai thác

Tùy theo tình hình cụ thể của từng địa phương, có thể áp dụng các hình thức khai thác sau.

1. Hình thức khai thác tập trung là hình thức giao cho các đơn vị trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ khai thác, chế biến và cung cấp gỗ ở dạng thành phẩm (hoặc gỗ tròn) cho từng hộ dân trên địa bàn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Đơn vị thực hiện nhiệm vụ khai thác là các lâm trường hoặc công ty khai thác, chế biến trên địa bàn tỉnh có chức năng khai thác gỗ theo quy định của pháp luật, có đủ phương tiện, thiết bị để khai thác và chế biến thành các chi tiết để

cấp cho các hộ đồng bào làm nhà ở theo yêu cầu của Ban chỉ đạo Chương trình 134 và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện.

b) Hình thức khai thác tập trung được thực hiện ở các đối tượng rừng tự nhiên, rừng trồng có nguồn gốc vốn ngân sách quy định tại khoản 1, Điều 1 Quy định này, hiện do các Ban quản lý, doanh nghiệp và lâm trường quản lý, bảo vệ, sản xuất kinh doanh.

2. Hình thức khai thác tự làm là giao cho người dân được hỗ trợ gỗ làm nhà tự khai thác.

a) Người được chỉ định khai thác phải là người thuộc đối tượng được cấp gỗ làm nhà ở theo quy định tại Quyết định số 134 của Thủ tướng Chính phủ, người khai thác có thể thay mặt cho một số hộ trong thôn bản thực hiện nhiệm vụ khai thác và được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ khai thác. Người khai thác phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác gỗ và trước khi tiến hành khai thác phải được Phòng Nông Lâm nghiệp huyện hướng dẫn thêm về kỹ thuật an toàn lao động.

b) Hình thức khai thác tự làm được thực hiện ở các đối tượng rừng là rừng tự nhiên, rừng trồng có nguồn vốn ngân sách quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này, hiện tại do các Ban quản lý, Ủy ban nhân dân xã đang quản lý, bảo vệ và các khu rừng được giao, cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định số 163/CP của Chính phủ.

Điều 3. Thiết kế khai thác

1. Đối với phương thức khai thác tập trung

a) Đơn vị được phép thiết kế khai thác.

Là các tổ chức thiết kế khai thác chuyên ngành của địa phương, hoặc các đơn vị của Viện Điều tra quy hoạch rừng, các Trường kỹ thuật Lâm nghiệp và được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ.

b) Những căn cứ để thiết kế khai thác.

- Xác định đúng đối tượng rừng được phép khai thác theo quy định tại Điều 1 của Quy định này.

- Xác định ranh giới khai thác theo lô, khoảnh, tiểu khu cho phù hợp giữa bản đồ với thực tế.

- Căn cứ sản lượng được phép khai thác và chủng loại gỗ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao để đóng búa bài cây theo quy định hiện hành và tính toán sản lượng khai thác, cường độ khai thác, tỷ lệ lợi dụng...

- Không được bài chặt những cây thuộc nhóm quý hiếm nhóm IA, IIA (trừ sến, táu) theo quy định của Chính phủ.

- Cường độ khai thác tính theo lô không được vượt quá 30% đối với rừng sản xuất và 20% đối với rừng phòng hộ xung yếu.

- Tỷ lệ lợi dụng tính theo loài cây và theo thực tế của từng địa phương.

- Những cây bài chặt phải có đường

kính ở vị trí 1,3m ($D_{1,3}$) thấp nhất là 30 cm.

- Cây bài chặt phải đảm bảo sau khi khai thác không tạo thành các khoảng trống có diện tích trên 1500 m².

- Thực hiện các bước thiết kế ngoại nghiệp, tính toán nội nghiệp theo quy định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với phương thức khai thác tự làm (người dân tự khai thác)

a) Căn cứ sản lượng gỗ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho từng thôn, bản, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cùng cơ quan kiểm lâm, cơ quan lâm nghiệp huyện, chủ rừng và đại diện các hộ dân được cấp gỗ làm nhà trực tiếp vào các khu rừng, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 2 và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép thiết kế (đối với các khu rừng do các Ban quản lý, cơ quan kiểm lâm và Ủy ban nhân dân xã quản lý) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép thiết kế đối với các khu rừng còn lại để xác định cây cần chặt và công chức lâm nghiệp huyện đóng búa bài cây, việc đóng búa bài cây phải tuân theo quy định hiện hành đồng thời lập lý lịch, đánh số thứ tự gỗ theo từng hộ gia đình để theo dõi việc khai thác sau này.

b) Việc tính sản lượng gỗ được tính theo thực tế của từng hộ và khối lượng của từng cây (có thể một hộ 1 cây và có thể 2 hộ 1 cây v.v...). Lập hồ sơ đóng búa bài cây theo quy định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Đối với gỗ rừng trồng quy định tại Điều 1 thì không phải thiết kế mà chỉ cần đánh dấu sơn vào những cây bài chặt và tính khối lượng cây chặt để làm cơ sở cấp.

Điều 4. Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định ngoại nghiệp và phê duyệt hồ sơ thiết kế, cấp phép khai thác cho chủ rừng đối với phương thức khai thác tập trung.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc thẩm định ngoại nghiệp và phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác cho hộ hoặc nhóm hộ gia đình đối với phương thức khai thác tự làm.

3. Nội dung thẩm định bao gồm đối tượng rừng, diện tích, địa danh sản lượng, cây bài chặt, tính hợp lý của hồ sơ thiết kế khai thác. Nội dung cụ thể do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định, hướng dẫn và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi thực hiện.

Hồ sơ và giấy phép khai thác được gửi cho chủ rừng và cơ quan kiểm lâm sở tại và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp sản lượng gỗ khai thác toàn tỉnh theo cả hai phương thức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện.

Điều 5. Những quy định trong khai thác.

1. Điều kiện để tổ chức khai thác.

Sau khi có giấy phép khai thác của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân huyện cấp, chủ rừng mới được tiến hành bàn giao rừng khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 19, Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNN-LN ngày 02/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với phương thức khai thác tập trung) và bàn giao từng cây cho hộ gia đình (đối với phương thức khai thác tự làm).

2. Hình thức khai thác.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng hình thức khai thác cho phù hợp với điều kiện quản lý, bảo vệ rừng của từng huyện trong tỉnh.

3. Quy định về khai thác.

Việc khai thác phải đảm bảo các quy định về an toàn lao động và các quy định hiện hành.

4. Bàn giao hiện trường khai thác.

a) Đối với phương thức khai thác tập trung.

Đơn vị khai thác phải thực hiện theo các quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 19 Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNN-LN ngày 02/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối với phương thức khai thác tự làm.

Chủ rừng cùng với Ủy ban nhân dân

cấp xã hướng dẫn, giám sát cho người khai thác vào chặt hạ đúng cây đã có dấu bài chặt và số hiệu cây của từng hộ ghi trên lý lịch của từng hồ sơ trong giấy phép. Cơ quan kiểm lâm, lâm nghiệp huyện kiểm tra, đôn đốc việc khai thác theo đúng giấy phép được cấp.

Sau khi chặt hạ, cắt khúc, gỗ được vận xuất ra khỏi khu khai thác để tiến hành làm thủ tục nghiệm thu đóng búa kiểm lâm, trường hợp phải xẻ nhỏ tại rừng (do không thể vận chuyển gỗ tròn ra khỏi khu khai thác) chủ rừng phải báo với cơ quan lâm nghiệp cấp huyện và Hạt Kiểm lâm sở tại cho phép và giám sát việc thực hiện để tránh lợi dụng khai thác trái phép.

Điều 6. Nghiệm thu và kết thúc khai thác.

1. Đối với phương thức khai thác tập trung.

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNN-LN ngày 02/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó nếu khai thác đúng địa danh, diện tích và cây bài chặt mà khối lượng gỗ đo đếm thực tế lớn hơn trong hồ sơ thiết kế thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị có liên quan lập biên bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép đưa khối lượng gỗ vượt vào kế hoạch giải quyết gỗ làm nhà ở trong giai đoạn sau của tỉnh.

2. Đối với phương thức khai thác tự làm.

Cơ quan lâm nghiệp cấp huyện chủ trì cùng Hạt Kiểm lâm sở tại và các đơn vị có liên quan nghiệm thu, đo đếm khối lượng thực tế, đối chiếu với lý lịch cây bài trong hồ sơ thiết kế theo tên chủ hộ. Nếu chặt đúng cây bài theo đúng số hiệu của hộ gia đình mà khối lượng đo đếm thực tế lớn hơn 10% khối lượng ghi trong lý lịch và vượt quá số lượng gỗ hỗ trợ cho hộ gia đình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chuyển toàn bộ phần khối lượng vượt cho hộ gia đình khác và giảm số lượng cây bài chặt trong lâm phần.

3. Đóng búa kiểm lâm.

Sau khi nghiệm thu, cơ quan kiểm lâm kiểm tra, đóng búa kiểm lâm ngay tại khu khai thác theo quy định hiện hành để làm cơ sở cho các hộ vận chuyển gỗ về làng, bản. Trường hợp gỗ đã có dấu búa bài cây nhưng phải cắt thành nhiều lóng (khúc, đoạn) thì tổ nghiệm thu lập biên bản xác nhận để đóng búa kiểm lâm.

Nghiêm cấm việc buôn bán, trao đổi gỗ thuộc chỉ tiêu, kế hoạch hỗ trợ làm nhà theo Chương trình 134.

Búa kiểm lâm đóng vào gỗ tròn, gỗ xẻ thuộc đối tượng gỗ hỗ trợ làm nhà ở quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phải dùng búa kiểm lâm có số hiệu riêng để phân biệt với gỗ khai thác theo các đối tượng khác. Giao Cục Kiểm lâm quy định cụ thể về ký hiệu búa kiểm lâm và thông báo cho chính quyền địa phương các cấp để theo dõi.

4. Kết thúc khai thác.

Nếu đã khai thác hết số cây bài chặt hoặc hết thời hạn trong giấy phép khai thác, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm (đối với khai thác tập trung) hoặc cơ quan lâm nghiệp cấp huyện chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm sở tại (đối với khai thác tự làm) cùng chủ rừng nghiệm thu, kiểm tra rừng sau khai thác, lập biên bản đánh giá nhận xét kết quả thực hiện về khối lượng, quy trình khai thác... những thiếu sót cần khắc phục, những vi phạm cần xử lý. Căn cứ kết quả kiểm tra, nghiệm thu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra thông báo kết thúc khai thác (đối với khai thác tập trung) Ủy ban nhân dân huyện ra thông báo kết thúc khai thác (đối với phương thức khai thác tự làm) và giao cho chủ rừng tổ chức quản lý, bảo vệ theo quy định hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

1. Chế độ báo cáo.

Khi kết thúc năm kế hoạch chủ rừng lập báo cáo về tình hình khai thác gỗ làm nhà cho Ban chỉ đạo Chương trình 134 cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp về thực hiện kế hoạch khai thác, sử dụng gỗ làm nhà theo Chương trình 134 của toàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổng kết và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và

các Bộ, ngành có liên quan vào quý 1 của năm sau.

2. Nội dung báo cáo.

- Diện tích khai thác phân theo đối tượng rừng, loại rừng.
- Khối lượng khai thác (được so sánh với số kế hoạch và hồ sơ thiết kế).
- Khối lượng gỗ đưa vào hỗ trợ cho đồng bào, chia ra theo số hộ, đối tượng, tính tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch.
- Đánh giá tình hình thực hiện quy trình, quy phạm khai thác và cung cấp gỗ cho đồng bào.
- Các vấn đề phát sinh khác.
- Đề xuất và kiến nghị.

3. Điều khoản thi hành.

Quy định này chỉ áp dụng riêng cho việc thiết kế khai thác và khai thác gỗ phục vụ chương trình hỗ trợ gỗ làm nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ. Mọi đối tượng khai thác khác vẫn thực hiện theo quy định tại Quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNN-LN ngày 02/02/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Hứa Đức Nhị

BỘ NỘI VỤ

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nội vụ số 89/2004/QĐ-BNV ngày
27/12/2004 về việc phê duyệt
Điều lệ Hiệp hội các trường
đại học, cao đẳng ngoài công
lập Việt Nam.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

*Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày
20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ số
45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ số
88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy
định về tổ chức, hoạt động và quản lý
hội;*

*Xét đề nghị của Hiệp hội các trường đại
học, cao đẳng ngoài công lập Việt Nam và
của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập Việt Nam đã được Đại hội lần thứ I thông qua ngày 09 tháng 9 năm 2004.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.